

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 6 - 2021

“Về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mùi và ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 6 và ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11-5-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27-5-2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị O, sinh năm 1980 (*vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt*).

Nơi cư trú: Đội 6, thôn NC, xã HN, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1974.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn CT, xã BA, thành phố C, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Trịnh Thị O trình bày:

Chị và anh T kết hôn với nhau ngày 20-11-2000 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới anh chị về sống cùng nhau tại thôn Chín Thượng, xã Bắc An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình

chung sống, chỉ trong một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu và đánh chị. Đến năm 2004 thì mâu thuẫn trầm trọng, chị O đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở đội 6, thôn Nễ Châu, xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Thời gian đầu sống ly thân, anh T có đến nơi chị ở thăm con một vài lần và thỉnh thoảng gọi điện cho chị để hỏi thăm con. Từ năm 2012 anh T đã đi biệt tích khỏi địa phương. Năm 2020, chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tuyên bố anh T mất tích để làm thủ tục ly hôn với anh T. Tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST- VDS ngày 13-10-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã tuyên bố anh T mất tích. Nay chị O xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Triệu Thu Tr, sinh ngày 11-01-2002, hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị có đẻ và nuôi một cháu tên là Trịnh Văn H, sinh ngày 10-6-2015, chưa làm được giấy khai sinh, tên H do chị tạm đặt. Chị xác định đây không phải là con chung của chị và anh T vì anh chị đã ly thân từ năm 2004, anh T đi biệt tích từ năm 2012. Đối với cháu H chị không đề nghị tòa án giải quyết nếu sau này có xảy ra tranh chấp chị sẽ đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh T vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định hoãn phiên tòa lần 1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Xác minh với trưởng thôn Chín Thượng, xã Bắc An cung cấp: Chị Trịnh Thị O và anh Triệu Văn T kết hôn với nhau năm 2000. Anh chị chung sống tại Chín Thượng, Bắc An. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2004 chị O đem con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân. Năm 2012 anh T bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức. Bố mẹ đẻ anh T đều đã chết, anh T có 02 người em nhưng địa phương cũng không biết hiện nay họ ở đâu

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân

sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị O, cho chị O được ly hôn anh Triệu Văn T.

- Về con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án về ly hôn, anh Triệu Văn T là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thôn Chín Thượng, xã Bắc An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh T kết hôn với nhau ngày 20-11-2000, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Xác định trong cuộc sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Anh T đã biệt tích khỏi địa phương từ năm 2012. Tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-VDS ngày 13-10-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã tuyên bố anh T mất tích. Nay chị O xin ly hôn anh T, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị O được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Đối với con chung Triệu Thu Tr hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Trịnh Văn H hiện do chị O đang nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị O đã ly thân từ năm 2004, chị O đã đưa con về Hưng Yên sinh sống. Anh T đi biệt tích khỏi địa phương từ năm 2012, cháu H cũng chưa làm giấy khai sinh, chị O xác định cháu không phải là con chung giữa chị và anh T. Do vậy không đủ căn cứ để xác định cháu H là con chung của chị O và anh T, chị O không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp về việc xác định cha cho con hoặc con cho cha sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Chị O xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị O, cho chị Trịnh Thị O được ly hôn anh Triệu Văn T

- Về con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006826 ngày 29-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị O đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị O và anh Triệu Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh
- UBND xã Bắc An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu Hằng